TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 141/2023/HSST
Ngày: 31-8-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc và ông Nguyễn Tấn Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Viết Thao - Thư ký của Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/TLST-HS ngày 21/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HS ngày 07/7/2023, theo quyết định hoãn phiên tòa số 86/HSST-QĐHPT ngày 20 tháng 7 năm 2023 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 94/HSST-QĐHPT ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Thành H**, giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Nơi thường trú: Tổ X, khu vực I, phường H, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Tạm trú: số XX đường N, phường H, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Tuấn A, sinh năm 1965 và bà: Ngô Thị C, sinh năm 1968; Vợ: Trần Thị Thu N, sinh năm 1997; có 02 người con, sinh năm 2016 và năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Ngày 05/8/2009, bị Chủ tịch UBND TP. Quy Nhơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào trường giáo dưỡng" về hành vi "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 25/6/2011.

- Ngày 18/6/2012, bị Công an TP. Quy Nhơn xử phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 03/7/2013, bị TAND TP. Quy Nhơn xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong ngày 26/3/2014.

Bị bắt tạm giam: Ngày 23/8/2023; Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Thị Thu N**, giới tính: Nữ; sinh năm 1997 tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Nơi thường trú: Tổ X, khu vực I, phường H, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Tạm trú: số XX đường N, phường H, TP. Quy

Nhơn, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Không rõ; Con bà: Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1968; Chồng: Phan Thành H (bị cáo trong vụ án); có 02 người con, sinh năm 2016 và năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt, tuy nhiên tự ý vắng mặt khi HĐXX tuyên án.

- *Bị hại:*
Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: số Y đường A, phường B, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
Anh Trần Viết Đ, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ E, khu phố F, phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng*:
Anh Trần Thanh H, anh Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/01/2023, Phan Thành H cùng vợ là Trần Thị Thu N đang ở nhà trọ tại số XX đường N, phường H, TP. Quy Nhơn thì anh Trần Ngọc Q nhắn tin vào điện thoại N nên H đưa điện thoại cho N xem. N xem tin nhắn và nói với H đây là người hồi trước N có mượn xe mô tô cho H mượn. N nói với H rằng Q có nhắn tin tình cảm với N và hẹn gặp N tại nhà nghỉ "Thiên Kim" - số N đường Đ, phường T, TP. Quy Nhơn và sẽ cho tiền N. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của Q nên H nói N khi gặp Q thì N giả vờ mượn xe mô tô của Q rồi sẽ mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, N đồng ý. N nhắn tin cho Q hẹn đến trước Bệnh viện Mắt Bình Định để đón vì không có xe. H và N cùng đi bộ đến trước Bệnh viện Mắt Bình Định rồi H nói N khi gặp Q thì nói dối H là em của N để Q không nghi ngờ. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh Q điều khiển xe mô tô Honda AirBlade biển số 77L2-083.38 đến thì N nói H là em trai N và nhờ anh Q chở giúp H qua bên nhà nghỉ "Thiên Kim" rồi có bạn qua đón. Sau đó, anh Q điều khiển xe mô tô biển số 77L2-083.38 chở H và N đến nhà nghỉ "Thiên Kim". Trên đường đi, H có dùng điện thoại soạn tin nhắn với nội dung là bảo N mượn xe của Q để chở H đi về nhà rồi quay lại nhà nghỉ. N xem rồi nói với Q như vậy thì Q đồng ý. Khi đến nhà nghỉ "Thiên Kim", N nói Q cho N mượn xe mô tô biển số 77L2-083.38 để chở H về nhà rồi mua đồ ăn quay lại nhà nghỉ nhưng Q không đồng ý. Q muốn N vào phòng chờ, ý định là Q lái xe chở H về rồi quay lại nhà nghỉ. Thấy vậy, N nói dối là cho H mượn xe mô tô đi mua đồ dùng cá nhân và rút tiền về cho mẹ rồi quay lại, còn N ở lại với anh Q. Q nghe vậy đồng ý và đưa chìa khóa xe cho H. H lấy chìa khóa rồi điều khiển xe mô tô biển số 77L2-083.38 rời đi còn N và Q cùng vào phòng số 3 của nhà nghỉ. Sau đó, H

điều khiển xe mô tô đi mua thuốc hút ở gần tượng đài "Quang Trung", TP. Quy Nhơn. Trong lúc này tại nhà nghỉ "Thiên Kim", N nhiều lần tìm lý do để ra khỏi phòng với mục đích chờ H quay lại đón rồi bỏ trốn cùng H nhằm chiếm đoạt xe mô tô biển số 77L2-083.38. Lấy lý do ra phía trước nhà nghỉ chờ H đến để lấy chìa khóa xe trả Q, N ra phía trước chờ thì gặp H quay lại nhà nghỉ. H chở N đến một nhà nghỉ gần ga Diêu Trì, Tuy Phước để nghỉ qua đêm. Sáng ngày 19/01/2023, H điều khiển xe mô tô biển số 77L2-083.38 chở N về nhà mẹ N tại thôn Trung Tín 1, TT. Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định để ăn cúng tất niên. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H nói N tìm người để cầm cố xe thì N có liên lạc với Hồ Minh P, N nói dối với P là vợ chồng N cần tiền gấp nên cần thế chấp xe của gia đình. Sau đó, P có liên hệ với Lê Văn L nói là anh chị của P cần tiền gấp, cần thế chấp xe của gia đình nên L tin như vậy. L liên hệ với Trần Viết Đ để nhờ thế chấp xe của người quen thì Đ đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô chở L đến trước Bệnh viện Tâm thần Bình Định và hẹn N đến địa điểm này. Lúc này, Phan Thành H lái xe mô tô biển số 77L2-083.38 chở N và Trần Thanh H (là em ruột của N) đến điểm hẹn thì gặp P, L. Sau đó, L dẫn P, Phan Thành H và Trần Thị Thu N đi bộ đến nhà anh Trần Viết Đ để gặp anh Đ. Ban đầu, N nói dối với Đ là xe của nhà nhưng hiện không có giấy tờ ở đây, vì kẹt tiền nên cầm cố xe nhưng Đ không đồng ý vì không có đăng ký xe. Sau đó, L nói chuyện với Đ để xin giúp thì Đ mới đồng ý cho N mượn tiền. Đài có chụp hình chứng minh nhân dân của N rồi nói N viết giấy mượn tiền số tiền 5.000.000 đồng và để xe mô tô biển số 77L2-083.38 lại làm tin. Đài chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản VPBank: 2021212639979 mang tên Trần Thị Thu N. Sau đó, Phan Thành H, Trần Thị Thu N rút số tiền trên tiêu xài hết. Đến ngày 30/01/2023, anh Q đến Công an P. Thị Nại, TP. Quy Nhơn trình báo sự việc trên. Công an P. Thị Nại lập hồ sơ và chuyển Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 13/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 xe mô tô biển số 77L2-083.38, loại Honda AirBlade, màu sơn: Đen – Đỏ, số máy: JF63E2643266, số khung: 6322KZ201691, đã qua sử dụng, trị giá 24.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 xe mô tô biển số 77L2-083.38, loại Honda AirBlade, màu sơn: Đen - Đỏ, số máy: JF63E2643266, số khung: 6322KZ201691, đã qua sử dụng.

Ngày 06/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tiến hành xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu: Trả 01 xe mô tô biển số 77L2-083.38, loại Honda AirBlade, màu sơn: Đen - Đỏ, số máy: JF63E2643266, số khung: 6322KZ201691, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Trần Ngọc Q.

Về phần dân sự: Anh Trần Ngọc Q đã nhận lại xe mô tô biển số 77L2-083.38, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì. Anh Trần Viết Đ yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã cho cầm cố, các bị cáo Trần Thị Thu N và Phan Thành H chưa hoàn trả lại số tiền trên cho anh Đ.

- Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKSQN ngày 20/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Phan Thành H và Trần Thị Thu N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, do đó đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng.

- Về hình phạt:

+ Bị cáo Phan Thành H: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Bị cáo Trần Thị Thu N: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về bồi thường thiệt hại:

+ Bị hại Trần Ngọc Q đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

+ Buộc các bị cáo Phan Thành H và Trần Thị Thu N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Viết Đ số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo Phan Thành H và Trần Thị Thu N thừa nhận hành vi phạm tội không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do cần tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách giả vờ mượn xe mô tô biển số 77L2-083.38 của anh Trần Ngọc Q để đi công việc, vì tin tưởng các bị cáo nên anh Q đã giao xe mô tô trên cho cho các bị cáo mượn. Sau khi nhận được xe mô biển số 77L2-083.38 các bị cáo liền mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, xem thường pháp luật các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách giả vờ mượn xe mô tô của bị hại rồi mang đi cầm cố, đã chiếm đoạt của bị hại Trần Ngọc Q 01 xe mô tô biển số 77L2-083.38 có trị giá 24.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng số 109/CT-VKSQN ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Trong vụ án có hai bị cáo tham gia, với vai trò đồng phạm giản đơn và cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Phan Thành Hưng là người khởi xướng việc chiếm đoạt xe mô tô của bị hại nên hình phạt của bị cáo Hưng phải cao hơn so với bị cáo Trần Thị Thu N.

[4] Hành vi do các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

5.1 Về nhân thân: Bị cáo Phan Thành H có nhân thân xấu vì bị Tòa án đưa ra xét xử và bị cơ quan hành chính Nhà nước xử phạt; bị cáo Trần Thị Thu N có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì.

5.2 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N không có tình tiết tăng nặng nào khác.

5.3 Về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo Phan Thành H: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Trần Thị Thu N:

+ Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo.

+ Bị cáo Trần Thị Thu Ngân được áp giải đến phiên tòa do nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị cáo khai đang mang thai, HĐXX đề nghị bị cáo cung cấp các chứng về việc đang mang thai để HĐXX xem xét. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp mà tự ý vắng mặt khi HĐXX tuyên án, do đó HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ *"Người phạm tội là phụ nữ có thai"* quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

- Bị hại Trần Ngọc Q đã nhận lại xe mô tô biển số 77L2-083.38 bị chiếm đoạt, anh Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N chiếm đoạt xe mô tô của bị hại Trần Ngọc Q đem cầm cố cho anh Trần Viết Đ lấy 5.000.000 đồng tiêu xài, do đó buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đ số tiền trên, chia phần mỗi bị cáo bồi thường cho anh Đài 2.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và có nghĩa vụ hoàn trả nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Về vấn đề khác: Đối với anh Trần Viết Đ có hành vi cầm cố xe mô tô biển số 77L2-083.38 có trị giá là 24.000.000 đồng từ các bị cáo Trần Thị Thu Ng, Phan Thành H. Tuy nhiên, anh Đ không biết tài sản trên là do các bị cáo phạm tội mà có nên anh Đ không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo Phan Thành H;

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo Trần Thị Thu N;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 589, 580 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Phan Thành H 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu N 06 *(Sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Viết Đ số tiền 5.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải hoàn trả cho anh Đài 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được quyền yêu cầu bồi thường, hoàn trả có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi

hành không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí:

- Án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng).*

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Thành H, Trần Thị Thu N mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Thành H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Thị Thu N, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Đình Hưng

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.